

Số: 256/BC-THQT

Mạo Khê, ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
(Thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Quyết Thắng

2. Địa chỉ: Khu Vĩnh Hòa - phường Mạo Khê - Thị xã Đông Triều - Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203.3871865

Website: <http://thquyetthang.dongtrieu.edu.vn/>

3. Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều.

4. Sứ mệnh, Tầm nhìn, Mục tiêu.

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo để mọi học sinh phát huy hết năng lực và tư duy sáng tạo giúp các em trở thành những công dân tốt của xã hội.

Tầm nhìn: Phấn đấu trở thành môi trường giáo dục thân thiện, hiện đại; học sinh khỏe về thể chất, mạnh mẽ về trí lực đáp ứng được sự phát triển của đất nước.

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, trung thực, chia sẻ, nhân ái; Kỷ cương, nền nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

- Lịch sử hình thành : Trường Phổ thông cơ sở Quyết Thắng nằm trên địa bàn thị trấn Mạo Khê huyện Đông Triều được khởi công và xây dựng từ năm 1960. Đến năm 1993, trường Phổ thông cơ sở Quyết Thắng tách ra làm 2 trường: Trường Trung học cơ sở Mạo Khê I và trường Tiểu học Quyết Thắng. Trường Trung học cơ sở Mạo Khê I được xây dựng mới trên khu Vĩnh Sinh – Thị trấn Mạo Khê. Trường Tiểu học Quyết Thắng nằm trên vị trí cũ tại khu Vĩnh Hòa – Thị trấn Mạo Khê. Từ những ngày đầu tách trường, toàn bộ phòng học và phòng làm việc của nhà trường đều là dãy nhà cấp 4 bện bẻ khó khăn về cơ sở vật chất: thiếu bàn ghế, thiếu phòng học cho học sinh, có những thời điểm học sinh nhà trường phải học nhờ nhà văn hóa các khu đóng trên địa bàn

trường. Đến năm 2006, được sự quan tâm của các ngành, lãnh đạo địa phương, trường đã được đầu tư xây dựng mới 2 tầng khang trang. Khai giảng năm học 2006 - 2007, ngôi trường mới chính thức được đưa vào sử dụng trước sự vui mừng phấn khởi của giáo viên, học sinh và nhân dân trong khu vực.

Trường Tiểu học Quyết Thắng là một trong 5 trường Tiểu học của thị trấn Mạo Khê. Một thị trấn đông dân cư nhất đất nước với gần 4 vạn dân là trung tâm kinh tế của huyện Đông Triều tập trung nhiều ngành nghề kinh tế, thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công, nông nghiệp...Được sự quan tâm chỉ đạo của ngành, của địa phương, kết quả và chất lượng giáo dục của nhà trường luôn được phụ huynh học sinh tin tưởng với nhiều học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia và nhiều học sinh thi đỗ vào các trường cao đẳng, đại học trên toàn quốc. Truyền thống giáo dục và truyền thống hiếu học trong nhà trường luôn thúc đẩy phong trào thi đua học tập và rèn luyện trong học sinh, thanh thiếu niên nhi đồng khá sôi nổi và luôn nhận được sự quan tâm của các lực lượng xã hội.

- Trường Tiểu học Quyết Thắng là trường công lập do UBND Huyện Đông Triều thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chỉ thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình GD tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Xây dựng phát triển nhà trường các quy định của Bộ GD&ĐT và nhiệm vụ giáo dục phát triển của địa phương, Thực hiện kiểm định chất lượng GD. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Bà Lê Thị Thu Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Khu Vĩnh Hòa - phường Mạo Khê - Thị xã Đông Triều - Tỉnh Quảng Ninh.

Số điện thoại cơ quan : 0203.3871865

Gmail: thuyetthang@dongtrieu.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường

Trường Tiểu học Quyết Thắng được thành lập năm 1993 tách ra từ trường PTCS Quyết Thắng theo quyết định số:

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định (QĐ) số 1740/QĐ-UBND ngày 29/7/2023 của UBND thị xã Đông Triều Về việc thành viên Hội đồng trường Trường TH Quyết Thắng nhiệm kỳ 2023 – 2028

Danh sách Hội đồng trường:

ST T	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh hội đồng	Ghi chú
1	Lê Thị Thu	Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng	TH Quyết Thắng	Chủ tịch hội đồng	
2	Bà Hồ Thị Hương	P.HT- CTCĐ	TH Quyết Thắng	P. Chủ tịch hội đồng	
3	Ông Vũ Đức Quynh	Phó Chủ tịch UBND phường	Phó CT -UBND phường MK	Ủy viên	
4	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	P. Hiệu trưởng	TH Quyết Thắng	Ủy viên	
5	Bà Phan Thị Hà	Bí thư Đoàn TNCS	TH Quyết Thắng	Ủy viên	
6	Bà Nguyễn Thị Hoan	Tổ trưởng tổ 4+5	TH Quyết Thắng	Ủy viên	
7	Bà Nguyễn Thị Thái	Tổ trưởng tổ 1	TH Quyết Thắng	Ủy viên	
8	Bà Nguyễn Thị Khánh Sinh	Tổ trưởng tổ 2+3	TH Quyết Thắng	Ủy viên	
9	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Tổ trưởng tổ văn phong	TH Quyết Thắng	Ủy viên	
10	Đặng Thị Thúy	Giáo viên	TH Quyết Thắng	Thư ký	
11	Bà Vũ Thị Lan Anh	Trưởng BDD CMHS trường	BDDCMHS	Ủy viên	

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng:

Quyết định số 3631/QĐ-UBND ngày 03/12/2024 của UBND thành phố Đông Triều Về việc bổ nhiệm lãnh đạo quản lý đối với Bà Lê Thị Thu – Hiệu trưởng

Quyết định số 2806 /QĐ-UBND ngày 10/08/2020 của UBND thị xã Đông Triều Về việc Điều động, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đối với bà Hồ Thị Hương- Phó hiệu trưởng

Quyết định số 1684 /QĐ-UBND ngày 28/07/2023 của UBND thị xã Đông Triều Về việc Điều động, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đối với bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Phó hiệu trưởng

d) Quy chế tổ chức và hoạt động

- Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học Quyết Thắng

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế

hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường Tiểu học Quyết Thắng là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam: 01 chi bộ gồm 38 đảng viên.

+Tổ chức Công đoàn: 39 công đoàn viên.

+Tổ chức Đoàn đội: 13 lớp sao nhi đồng và 9 chi đội.

+Ban đại diện CMHS.

+Các tổ chuyên môn: 03 tổ chuyên môn và 1 tổ văn phòng.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Lê Thị Thu	Hiệu trưởng	0975861848	th.qt.ltthu@dongtrieu.edu.vn
2	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	P. Hiệu trưởng	0976424028	th.qt.ntmhanh@dongtrieu.edu.vn
3	Hồ Thị Hương	P. Hiệu trưởng	0904960158	Th.qt.hthuong@dongtrieu.edu.vn

Địa chỉ nơi làm việc: Khu Vĩnh Hòa - phường Mạo Khê - Thị xã Đông Triều - Tỉnh Quảng Ninh.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác.

- Chiến lược phát triển nhà trường:

Kế hoạch số : 145/PKCL- THQT ngày 15/10/2021 kế hoạch phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định 260/QĐ - THQT ngày 16 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng nhà trường.; Kế hoạch số 361/KH-THQT ngày 19/09/2024 Về cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2024-2025; qui chế chi tiêu nội bộ số 01 ngày 02/01/2024....

Cán bộ , Giáo viên, nhân viên	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp		
				Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Trên đại học	Hạng II	Hạng III	Hạng IV
Hiệu trưởng	1	1					1	1		
Phó hiệu trưởng	2	2					2	2		
Giáo viên	34	33	1	1		32		14	28	
Nhân viên	4	4								3

[illegible][illegible]

4. Thông tin về chất lượng giáo viên (5 năm)

TT	Số liệu	Năm 2020- 2021 (22 lớp)	Năm 2021- 2022 (23 lớp)	Năm 2022- 2023 (23 lớp)	Năm 2023- 2024 (23 lớp)	Năm 2024- 2025 (22 lớp)
	Tổng số giáo viên dạy	31	31	30	32	33
	Giáo viên làm TPT	1	1	1	1	1
	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,4	1.4	1.4	1.4	1.5
	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp cơ sở	13		23	12	19
	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh	5		0	0	3

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp năm 2023-2024

- Hiệu trưởng: Phòng GD&ĐT đánh giá: Tốt
- Tổng số giáo viên và phó hiệu trưởng: 35 (trong đó Tốt: 29/33 = 82,6%; Khá 6/33 = 17,1%, đạt: 1/33 =2.9%)

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

- Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 36/36 =100% trong đó BGH: 03,GV: 33

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /học sinh
I	Số phòng học/số lớp	22/22	
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	21	
2	Phòng học bán kiên cố	1	-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	10.240	13.5
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	6.200	8.40
VI	Tổng diện tích các phòng		

1	Diện tích phòng học (m ²)	1.150	1.50
2	Diện tích thư viện (m ²)	50	0.068
3	Diện tích phòng GD thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng GD nghệ thuật (m ²)	50	0.068
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	45	0.06
6	Diện tích phòng tin học (m ²)	50	0.068
7	Diện tích phòng thiết bị GD (m ²)	20	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục khuyết tật hòa nhập (m ²)	25	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động đội (m ²)	40	
10	Diện tích phòng học trải nghiệm	50	0.068
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định (Đơn vị tính: bộ)	712	Số bộ/lớp
1.1	Khối lớp 1	114	
1.2	Khối lớp 2	166	
1.3	Khối lớp 3	136	
1.4	Khối lớp 4	128	
1.5	Khối lớp 5	168	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định (Đơn vị tính: bộ)		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VII I	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	60	
IX	Tổng số thiết bị		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	25	
2	Cát xét	4	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu vật thể, máy chiếu gần	03	
5	Thiết bị khác -Máy tính Bảng: -Bảng tương tác - Máy tính xách tay	18 01 05	

6	Vi tính văn phòng	6	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	01 (48m²)
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)		Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ	
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú					
XIII	Khu nội trú					
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02		02		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12 của bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 26/4/2011 của Bộ Y tế ban hành chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XV I	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x
XV II	Kết nối internet (ADSL)	x	
XV III	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XI X	Tường rào xây	x	

DANH MỤC**Sách tham khảo, sách bổ trợ các khối lớp sử dụng chung trong trường tiểu học
Quyết Thắng từ năm học 2024 - 2025***(Kèm theo Quyết định số 201 /QĐ-THQT, ngày 19/5/20234 của HT trường tiểu học Quyết Thắng)*

STT	Tên sách bổ trợ, tham khảo	Tên bộ sách	Lớp
1	Tập viết 1 - Tập 1	Kết nối	1,2,3
2	Tập viết 1 - Tập 2	Kết nối	1,2,3
3	Vở Bài tập Tiếng Việt 1/1	Kết nối	1,2,3,4,5
4	Vở Bài tập Tiếng Việt 1/2	Kết nối	1,2,3,4,5
5	Vở bài tập Toán 1/1	Cánh diều	1,2,3,4,5
6	Vở bài tập Toán 1/2	Cánh diều	1,2,3,4,5
7	Vở thực hành Mỹ thuật 1	Cánh diều	1,2,3,4,5
8	Vở bài tập Tự nhiên và xã hội	Cánh diều	2,3
9	Vở BT Lịch sử và Địa lí	Kết nối	4,5
10	Vở BT Khoa học	Cánh Diều	4,5
11	Vở luyện viết chữ	Kết nối	1,2

Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt:*-Sách giáo khoa lớp 5**

Stt	Môn/HĐGD	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 5	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thuý Ngà, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	NXB Đại học Sư phạm
2	Tiếng Việt 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB Giáo Dục Việt Nam
3	Hoạt động trải nghiệm 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương. phầnĐL),Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần ĐL), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học 5	Cánh diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phan Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái	NXB Đại học Sư phạm

6	Đạo đức 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc	Âm nhạc 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên). Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên). Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	NXBGiáoDụcViệt Nam
8	Mĩ thuật	Mĩ thuật 5 (Cánh diều)	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên); Phạm Đình Bình (Chủ biên); Nguyễn Thị Huyền- Nguyễn Hải Kiên	NXB Giáo Dục Việt Nam
9	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 5 (Cánh diều)	Đinh Quang Ngọc (Tổng chủ biên), Mại Thị Ngọc Bích (Chủ biên) Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết,Đinh Thị Mai Anh.	NXB Giáo Dục Việt Nam
10	Tin học	Tin học 5 (Cánh diều)	Hồ Sĩ Đàm (<i>Tổng Chủ biên</i>), Nguyễn Thanh Thủy (<i>Chủ biên</i>), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung.	NXB Đại học sư phạm
11	Công nghệ	Công nghệ 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Nguyễn Thanh Trinh.	NXB Giáo Dục Việt Nam
12	Tiếng Anh	Tiếng Anh 5 English Discovery	Tác giả: Trần Thị Lan Anh (Chủ biên), Cao Thúy Hồng	NXB Đại học Sư phạm

- Sách giáo khoa lớp 4

Stt	Môn/HĐGD	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
			Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	
2	Toán	Toán 4 (Cánh diều)	Tập 1: Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
			Tập 2: Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
3	Đạo đức	Đạo đức 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên) Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí	Lịch sử và Địa lí 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phần Lịch sử: Vũ Minh Giang (TCB xuyên suốt), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng chủ biên) Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương. Phần Địa lý: Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên) Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương	Nhà xuất bản GD Việt Nam
5	Khoa học	Khoa học (Cánh diều)	Tác giả: Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phan Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

6	Tin học	Tin học 4 (Cánh diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
7	Công Nghệ	Công Nghệ 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên) Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
8	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 4 (Cánh diều)	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
9	Âm nhạc	Âm nhạc 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Thị Phương Mai.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
10	Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 4 (Cánh Diều)	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên), Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Hải Kiên.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
11	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
12	Tiếng Anh	Tiếng Anh 4	Tập 1: Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (chủ biên), Nguyễn Minh Tuấn, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
			Tập 2: Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (chủ biên), Nguyễn Minh Tuấn, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Nhà xuất bản GD Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 3

Stt	Môn/HĐGD	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phụng Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm	Nhà xuất bản GD Việt Nam
2	Toán	Toán 3 (Cánh diều)	Tập 1: Đỗ Đức Thái(Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn. Tập 2: Đỗ Đức Thái(Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt(Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
3	Đạo đức	Đạo đức 3(Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam(Chủ biên) Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội	Tự nhiên và Xã hội 3 (Cánh Diều)	Mai Sỹ Tuấn(Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phùng Thanh Huyền, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
5	Tin học	Tin học 3(Cánh diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Chí Trung, Kiều Phương Thùy	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Công Nghệ	Công Nghệ 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên) Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên),Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

7	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 3 (Cánh diều)	Lưu Quang Hiệp(Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên), Nguyễn Thành Long, Phạm Đức Toàn, Vũ Thị Mai Phương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
8	Âm nhạc	Âm nhạc 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên). Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên). Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	NXB Giáo Dục Việt Nam
9	Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 3 (Cánh Diều)	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên), Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Hải Kiên.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
10	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Tiếng Anh	Tiếng Anh 3(Global Success)	Tập 1: Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (chủ biên), Nguyễn Minh Tuấn, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
			Tập 2: Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (chủ biên), Nguyễn Minh Tuấn, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 2

Stt	Môn/HĐGD	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
			Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
2	Toán	Toán 2 (Cánh diều)	Tập 1: Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
			Tập 2: Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
3	Đạo đức	Đạo đức 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội	Tự nhiên và Xã hội 2 (Cánh Diều)	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phùng Thanh Huyền, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

5	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 2 (Cánh diều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên), Nguyễn Thành Long, Phạm Đức Toàn, Vũ Thị Mai Phương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Âm nhạc	Âm nhạc 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên). Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên). Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	NXB Giáo Dục Việt Nam
7	Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 2 (Cánh Diều)	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên), Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Hải Kiên.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
8	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản GD Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 1

Stt	Môn/HĐGD	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt		Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
		Tiếng Việt 1(Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
2	Toán	Toán 1 (Cánh diều)	Tập 1: Đỗ Đức Thái(Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt(Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
			Tập 2: Đỗ Đức Thái(Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt(Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
3	Đạo đức	Đạo đức 1(Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan(Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội	Tự nhiên và Xã hội 1 (Cánh Diều)	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phùng Thanh Huyền, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

5	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 1 (Cánh điều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên), Nguyễn Thành Long, Phạm Đức Toàn, Vũ Thị Mai Phương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Âm nhạc	Âm nhạc 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên). Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên). Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 1 (Cánh Điều)	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên), Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Hải Kiên.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
8	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tô Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC²¹

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường tiểu học đạt Chuẩn quốc gia.

Hội đồng tự đánh giá thực hiện công tác tự đánh giá theo năm học.

Sau đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài, các điểm yếu và kế hoạch cải tiến chất lượng của 27 tiêu chí đã được nhà trường thực hiện thường xuyên bằng nhiều biện pháp. Đến thời điểm hiện tại, cơ bản các điểm yếu đã được khắc phục song điểm yếu tại tiêu chuẩn 3 về cơ sở vật chất chưa thực hiện được do có nhà đa năng...

2. Kết quả đánh giá ngoài:

- Trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 giai đoạn 2021- 2026 theo Quyết định số 1696/QĐ-SGDĐT ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh.

- Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 giai đoạn 2021- 2026 theo Quyết định số 1699/QĐ-SGDĐT ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Lý do không đạt	Kế hoạch, thời gian hoàn thành
	Không đạt	Đạt				
		Mức 1	Mức 2	Mức 3		
Tiêu chuẩn 1						6/2025
Tiêu chí 1.1		X	X	X		
Tiêu chí 1.2		X	X			
Tiêu chí 1.3		X	X	X		
Tiêu chí 1.4		X	X	X		
Tiêu chí 1.5		X	X			
Tiêu chí 1.6		X	X	X		
Tiêu chí 1.7		X	X			
Tiêu chí 1.8		X	X			
Tiêu chí 1.9		X	X			
Tiêu chí 1.10		X	X			
Tiêu chuẩn 2						6/2025
Tiêu chí 2.1		X	X	X		
Tiêu chí 2.2		X	X	X		
Tiêu chí 2.3		X	X	X		
Tiêu chí 2.4		X	X	X		
Tiêu chuẩn 3						6/2025
Tiêu chí 3.1		X	X	X		
Tiêu chí 3.2		X	X	X		
Tiêu chí 3.3		X	X	X		

Tiêu chí 3.4		x	x			
Tiêu chí 3.5		x	x	x		
Tiêu chí 3.6		x	x			
Tiêu chuẩn 4						6/2025
Tiêu chí 4.1		x	x	x		
Tiêu chí 4.2		x	x	x		
Tiêu chuẩn 5						6/2025
Tiêu chí 5.1		x	x			
Tiêu chí 5.2		x	x	x		
Tiêu chí 5.3		x	x	x		
Tiêu chí 5.4		x	x	x		
Tiêu chí 5.5		x	x	x		

Đạt mức 2

V. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026 :

Thành lập hội đồng tuyển sinh, thông báo tuyển sinh, quyết định phê duyệt kế hoạch tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh:

- Trẻ em 6 tuổi (sinh năm 2019);
- Trẻ em khuyết tật, kém phát triển về thể lực hoặc trí tuệ, trẻ em ở những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ em người dân tộc thiểu số, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em ở nước ngoài về nước, con em người nước ngoài học tập, làm việc ở Việt Nam có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi.
- Trường hợp trẻ em vào học lớp một vượt quá 03 tuổi so với quy định do Trường phòng GDĐT quyết định (không được nhận trẻ thiếu tuổi vào lớp 1).

Chỉ tiêu tuyển sinh:

- Số lớp: 04 lớp
- Số học sinh: 120 học sinh

Thời gian tuyển sinh:

Theo lịch phân công của PGD.

- Buổi sáng: từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút
- Buổi chiều: từ 14 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

- Kết quả tuyển sinh: Năm học 2024-2025 có 22 lớp với tổng số học sinh là:

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Trong đó		
			HS nữ	HS dân tộc	HS khuyết tật
1	114	2	61	2	3
2	166	5	70	1	2

3	136	4	²³ 65	1	3
4	128	4	73	2	3
5	168	5	91	5	1
Tổng	712	22	360	11	12

Số học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh tại trường kì I năm 2024-2025

Khối lớp	Số HS đầu năm	Số HS chuyển đến	Số HS chuyển đi
1	114	2	3
2	166	8	5
3	136	4	6
4	128	3	4
5	168	1	1
Toàn trường	712	18	19

3. Kết quả thực hiện chất lượng giáo dục

Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	735	161	140	129	168	137
II	Số học sinh 02/ngày	735	161	140	129	168	137
III	Số học sinh chia theo năng lực phẩm chất						
1	<i>Tốt (Tỷ lệ so với tổng số)</i>						
2	<i>Đạt (Tỷ lệ so với tổng số)</i>						
3	<i>Cần cố gắng (Tỷ lệ so với tổng số)</i>						
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	<i>Hoàn thành tốt xuất sắc(Tỷ lệ so với tổng số)</i>		108 (67%)	85 (60.7%)	67 (51.9%)	94 (55.9%)	
2	<i>Hoàn thành tốt(Tỷ lệ so với tổng số)</i>		27 (16,8%)	18 (12.9%)	29 (22,5%)	40 (23.8%)	
3	<i>Hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)</i>		26 (16,2%)	36 (25.7%)	33 (25.6%)	34 (20.3%)	
4	<i>Chưa hoàn thành (Tỷ lệ so với tổng số)</i>			1 (0.7%)			
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						

1	<i>Lên lớp (Tỷ lệ so với tổng số)</i>		24 100%	100%	100%	100%	100%
a	<i>Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (Tỷ lệ so với tổng số)</i>	576	135	103	96	134	108
b	<i>HS được cấp trên khen thưởng (Tỷ lệ so với tổng số)</i>	41	4	5	9	10	13
2	<i>Ở lại lớp (Tỷ lệ so với tổng số)</i>		0	1 (0.7%)	0	0	0

4. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học

Năm 2023-2024: 137 học sinh

- Số lượng học sinh được trúng tuyển vào lớp 6: 137

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2024

Căn cứ vào Quyết định số 878/QĐ-PGDĐT ngày 28/12/2023 của Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều “ Về việc phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5	6
I	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối năm trước chuyển sang (*)	11.853.870	11.853.870	0	
1	Tiền hoàn trả BHYT HS	93.870	93.870	0	
2	Tiền khen thưởng	3.600.000	3.600.000	0	
3	Tiền bảo hành công trình	8.160.000	8.160.000	0	
II	Quyết toán thu	2.475.894.012	2.475.894.012	0	
A	Tổng số thu	2.475.894.012	2.475.894.012	0	
1	Tiền ăn	1.350.010.000	1.350.010.000	0	
2	Tiền cấp dưỡng	61.065.000	61.065.000	0	
3	Tiền QLHS trong giờ bán trú	321.925.000	321.925.000	0	
4	Tiền tin học	21.510.000	21.510.000	0	
5	Tiền nước uống	34.204.500	34.204.500	0	
6	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu	36.735.593	36.735.593	0	
7	Tiền BHYT HS	615.131.010	615.131.010	0	
8	Tiền hoàn trả BHYT HS	1.444.905	1.444.905	0	

9	Tiền thù lao BHYT HS	11.333.025	11.333.025	0	
10	Tiền bảo hành công trình	0	0	0	
11	Tiền khen thưởng	22.464.000	22.464.000	0	
12	Tiền lãi tiền gửi	70.979	70.979	0	
B	Chi từ nguồn thu được để lại	2.479.150.205	2.479.150.205	0	
1	Tiền ăn	1.350.010.000	1.350.010.000	0	
2	Tiền cấp dưỡng	61.065.000	61.065.000	0	
3	Tiền QLHS trong giờ bán trú	321.925.000	321.925.000	0	
4	Tiền tin học	21.510.000	21.510.000	0	
5	Tiền nước uống	34.204.500	34.204.500	0	
6	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu	36.735.593	36.735.593	0	
7	Tiền BHYT HS	615.131.010	615.131.010	0	
8	Tiền hoàn trả BHYT HS	1.538.775	1.538.775	0	
9	Tiền thù lao BHYT HS	10.946.327	10.946.327	0	
10	Tiền bảo hành công trình	0	0		
11	Tiền khen thưởng	26.064.000	26.064.000	0	
12	Tiền lãi tiền gửi	20.000	20.000	0	
C	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối năm	8.597.677	8.597.677	0	
III	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	8.998.241.022	8.998.241.022	0	
1	Chi thường xuyên	8.313.963.922	8.313.963.922	0	
a	Chi thanh toán cá nhân	7.034.566.181	7.034.566.181	0	
	Mục 6000: Tiền lương	3.601.054.004	3.601.054.004	0	
	Mục 6050: Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	32.514.406	32.514.406	0	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	2.030.279.604	2.030.279.604	0	
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, SV, CB đi học	4.400.000	4.400.000		
	Mục 6200: Tiền thưởng	27.378.000	27.378.000	0	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	5.100.000	5.100.000	0	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	1.001.955.523	1.001.955.523	0	
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	331.884.644	331.884.644	0	
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	1.081.462.141	1.081.462.141	0	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	82.179.939	82.179.939	0	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	88.659.000	88.659.000	0	
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	28.757.287	28.757.287	0	
	Mục 6650: Hội nghị	6.975.000	6.975.000	0	
	Mục 6700: Công tác phí	28.115.000	28.115.000	0	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	112.127.000	112.127.000	0	
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	276.031.400	276.031.400	0	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	458.617.515	458.617.515	0	
d	Các khoản chi khác	197.935.600	197.935.600	0	
	Mục 7750: Chi khác	197.935.600	197.935.600	0	

2	Chi không thường xuyên	684.277.100	684.277.100	0	
a	Chi thanh toán cá nhân	471.802.100	471.802.100	0	
	Mục 6112: Phụ cấp khác	252.252.100	252.252.100		
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, SV, CB đi học	18.300.000	18.300.000	0	
	Mục 6200: Chi thưởng	201.250.000	201.250.000		
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	212.475.000	212.475.000	0	
	Mục 6608: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	34.830.000	34.830.000	0	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	89.856.000	89.856.000	0	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	48.099.000	48.099.000	0	
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	39.690.000	39.690.000	0	

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và hỗ trợ chi phí học tập đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2024

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND			
Học kỳ 2 năm học 2023-2024	14	10.500.000	
Học kỳ 1 năm học 2024-2025	13	7.800.000	

3. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025 và dự kiến năm tiếp theo

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
	Năm học 2024-2025			
	Bảo hiểm y tế BHYT học sinh BHYT MSTB	đồng/học sinh/năm	884.520đ 272.720đ	Thu theo quy định
2	Tiền nước uống (học 2 buổi/ngày)	đồng/học sinh/năm học	11.000đ	Thu heo kế hoạch
3	Tiền chi phí sử dụng điện máy điều hoà lớp học	Đồng/học sinh/tháng	Theo chỉ số công tơ	Thu theo kế hoạch

	Năm học 2025-2026			
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
2	Tiền nước uống (học 2 buổi/ngày)	đồng/học sinh/năm học	11.000đ	Thực hiện theo NQ 34/2021 – HĐND
3	Tiền chi phí sử dụng điện máy điều hoà lớp học	Đồng/học sinh/tháng	Theo chỉ số công tơ thực tế	Thực hiện theo NQ 34/2021 – HĐND

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2024

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
2	Số dư tiền gửi Kho bạc	Đồng	8.617.677	

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Kế hoạch triển khai theo chương trình Giáo dục Stem: 100% các lớp, các giáo viên xây dựng được bài giảng áp dụng phương pháp dạy Stem, cuối năm học tổ chức ngày hội Stem cấp trường và tham gia trưng bày sản phẩm tham dự ngày hội Stem cấp thị xã.

Các hoạt động trải nghiệm được thực hiện tốt, học sinh tham gia đầy đủ, hiệu quả.

Kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số trong dạy và học: 100% giáo viên thực hiện chuyển đổi

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2024 (Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường Tiểu học Quyết Thắng

Nơi nhận:

*Gửi bản điện tử:

- PGD&ĐT (B/c);
- Website của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thu